

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1 - NĂM 2015

Hà Nội, tháng 04 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		242.383.660.627	190.021.530.336
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		235.687.829.253	60.386.763.578
1. Tiền	111	V.01	235.687.829.253	60.386.763.578
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.466.849.167	126.125.526.879
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	4.834.217.480	129.573.740.322
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(367.368.313)	(3.448.213.443)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	1.434.942.395	3.312.485.398
1. Phải thu khách hàng	131		141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		565.250.296	475.250.296
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		29.688.910.519	31.689.459.991
5. Các khoản phải thu khác	138		64.740.808	31.734.339
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(29.024.959.228)	(29.024.959.228)
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		794.039.812	196.754.481
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	461.840.900	121.739.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	332.198.912	75.015.481
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.730.218.907	5.294.835.004
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		2.640.000.000	2.904.016.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	0	16.516.000
- Nguyên giá	222		9.278.926.988	9.278.926.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.278.926.988)	(9.262.410.988)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.640.000.000	2.887.500.000
- Nguyên giá	228		6.933.125.948	6.933.125.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.293.125.948)	(4.045.625.948)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.090.218.907	2.390.819.004
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	30.684.236	33.779.236
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		3.059.534.671	2.357.039.768
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		248.113.879.534	195.316.365.340

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		138.678.892.357	89.443.837.399
I. Nợ ngắn hạn	310		138.678.892.357	89.443.837.399
2. Phải trả người bán	312	V.09	429.305.200	352.305.200
3. Người mua trả tiền trước	313		198.700.000	198.700.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	3.977.149.951	2.442.647.289
5. Phải trả người lao động	315		255.269.646	787.714.432
6. Chi phí phải trả	316	V.11	1.010.825.000	1.066.859.630
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	30.117.474.406	30.111.893.929
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		102.285.548.981	54.080.656.386
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.558.640	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		403.060.533	403.060.533
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.434.987.177	105.872.527.941
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	109.434.987.177	105.872.527.941
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		539.355.743	539.355.743
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(26.643.724.308)	(30.206.183.544)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		248.113.879.534	195.316.365.340

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		1.317.700.350.000	408.318.930.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		275.822.350.000	133.408.840.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		3.807.500.000	3.661.120.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		272.014.850.000	129.747.720.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		173.550.000.000	170.050.000.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		173.550.000.000	170.050.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		268.328.000.000	10.162.200.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		268.328.000.000	10.162.200.000

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 5, FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam TL, HN
 Điện thoại: 0439368368; Fax: 0439368377

Mẫu số B09-CTCK

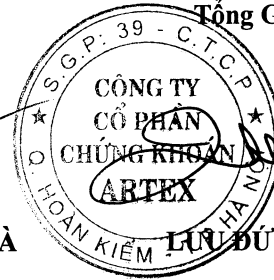
Ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		600.000.000.000	94.697.890.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		0	2.005.300.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		600.000.000.000	92.692.590.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		303.480.000	303.480.000

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Người lập

NGUYỄN THÙY DUNG**Phụ trách kế toán**

TRẦN THỊ THU HÀ**Tổng Giám đốc****LƯU ĐỨC QUANG**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.14	4.906.073.999	690.029.797
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4.275.856.637	598.016.642
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		22.700	112.300
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		0	59.090.900
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		97.860.538	11.219.680
- Doanh thu khác	01.9		532.334.124	21.590.275
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		4.906.073.999	690.029.797
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	(407.547.013)	258.781.210
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		5.313.621.012	431.248.587
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16	1.751.161.776	1.962.474.728
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.562.459.236	(1.531.226.142)
8. Thu nhập khác	31		0	0
9. Chi phí khác	32		0	0
10. Lợi nhuận khác	40		0	0
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.562.459.236	(1.531.226.142)
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.17	0	0
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.562.459.236	(1.531.226.142)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		264	(113)

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Người lập



NGUYỄN THÙY DUNG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ



Tổng Giám đốc

LƯU ĐỨC QUANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý I năm 2015
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	4.857.617.989	711.000.000
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(1.311.126.029)	(551.112.300)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	1.988.354.132.711	442.693.260.379
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(1.918.569.144.731)	(383.523.485.001)
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(11.511.500.000)	(1.075.600.000)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(1.217.470.082)	(6.969.623.920)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(1.110.074.273)	(466.765.389)
12. Tiền thu khác	14	199.388.970	584.930.104
13. Tiền chi khác	15	(2.556.376.002)	(409.681.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.135.448.553	50.992.922.300
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	118.117.161.112	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	7.450.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.456.010	112.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	118.165.617.122	7.450.112.300
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	175.301.065.675	58.443.034.600
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	60.386.763.578	12.347.914.805
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	235.687.829.253	70.790.949.405

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Người lập

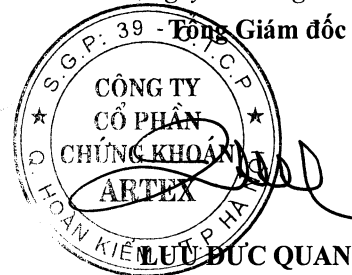


NGUYỄN THÙY DUNG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ



LƯU ĐỨC QUANG

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 5, FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam TL, HN
 Điện thoại: 0439368368; Fax: 0439368377

Mẫu số B09-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		539.355.743	539.355.743	0	0	0	0	539.355.743	539.355.743
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		539.355.742	539.355.742	0	0	0	0	539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(54.453.855.331)	(30.206.183.544)	24.247.671.787	0	3.562.459.236	0	(30.206.183.544)	(26.643.724.308)
Cộng		81.624.856.154	105.872.527.941	24.247.671.787	0	3.562.459.236	0	105.872.527.941	109.434.987.177

Người lập



NGUYỄN THỦY DUNG

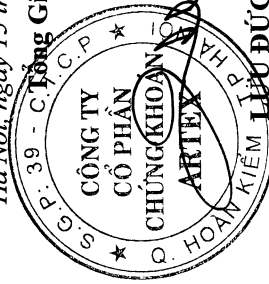
Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý I năm 2015****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, Khu A, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối quý được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:***2.1. Nguyên tắc ghi nhận:***

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	3 năm
- Phương tiện vận tải	5 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán và được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \left| \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} \right. - \left. \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right| \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	---	---	--	---	---

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn được hoàn nhập trong kỳ là: 3.080.845.130 VND.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả

cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, chi phí thuê văn phòng và các chi phí phải trả khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông

báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi uỷ thác đầu tư, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 5, FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam TL, HN
 Điện thoại: 0439368368; Fax: 0439368377

Mẫu số B09-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

01. Tiền	<i>Số cuối quý</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
		<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	247.154.142	408.062.622
- Tiền gửi ngân hàng	235.428.110.238	24.916.759.376
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	91.072.873.043	6.231.220.058
+ Tiền gửi của Công ty	144.355.237.195	18.685.539.318
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	12.564.873	35.061.941.580
Cộng	235.687.829.253	60.386.763.578

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong kỳ	<i>Đơn vị tính: VND</i>
		Giá trị KLGĐ thực hiện trong kỳ
a. Cửa công ty chứng khoán	1.408.960	20.490.182.000
- Cổ phiếu	1.408.960	20.490.182.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
b. Cửa nhà đầu tư	222.517.895	2.825.368.437.400
- Cổ phiếu	222.517.895	2.825.368.437.400
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
Tổng cộng	223.926.855	2.845.858.619.400



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 5, FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam TL, HN
 Điện thoại: 0439368368; Fax: 0439368377

Mẫu số B09-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

02. Đầu tư ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Số với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường		Ghi chú
	Cuối quý	Đầu năm	Cuối quý	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối quý	Đầu năm	
					Cuối quý	Đầu năm	Cuối quý	Đầu năm			
I. Chứng khoán thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II. Chứng khoán đầu tư	380.750	596.810	4.834.217.480	11.456.579.210	1.007.433	0	367.602.725	3.447.748.255	4.466.614.755	8.008.830.955	8.008.830.955
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	380.750	596.810	4.834.217.480	11.456.579.210	1.007.433	0	367.602.725	3.447.748.255	4.466.614.755	8.008.830.955	8.008.830.955
- <i>Cổ phiếu</i>											
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Đầu tư góp vốn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV. Đầu tư tài chính khác	0	0		118.117.161.112	0	0	0	0	0	118.117.161.112	118.117.161.112
+ Công ty TNHH Newland Holdings VN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	0	0	0	118.117.161.112	0	0	0	0	0	118.117.161.112	118.117.161.112
Tổng cộng	380.750	596.810	4.834.217.480	129.573.740.322	1.007.433	0	367.602.725	3.447.748.255	4.466.614.755	126.125.992.067	126.125.992.067

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 5, FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam TL, HN
 Điện thoại: 0439368368; Fax: 0439368377

Mẫu số B09-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

03. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong kỳ			Số cuối quý			Số dự phòng
	Trong kỳ 1	Số quá hạn 2	Số khó đòi 3	Tăng 4	Giảm 5	Trong kỳ 6	Số quá hạn 7	Số khó đòi 8	Số dự phòng 9	
A										
1. Phải thu của khách hàng	141.000.000	141.000.000	141.000.000	-	-	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	475.250.296	-	-	90.000.000	-	565.250.296	-	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	31.689.459.991	28.919.413.121	28.919.413.121	19.266.475.384	21.267.024.856	29.688.910.519	28.919.413.121	28.919.413.121	28.883.959.228	28.883.959.228
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	28.919.413.121	28.919.413.121	28.919.413.121	1.148.583.384	379.085.986	29.688.910.519	28.919.413.121	28.919.413.121	28.883.959.228	28.883.959.228
- Phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh	2.770.046.870	-	-	18.117.892.000	20.887.938.870	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	31.734.339	-	-	59.275.000	26.268.531	64.740.808	-	-	-	-
- Lãi phải thu từ các Hợp đồng uỷ thác đầu tư	26.268.531	-	-	-	26.268.531	-	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Newland Holdings VN	26.268.531	-	-	-	26.268.531	-	-	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	5.465.808	-	-	59.275.000	-	64.740.808	-	-	-	-
Tổng cộng:	32.337.444.626	29.060.413.121	29.060.413.121	19.415.750.384	21.293.293.387	30.459.901.623	29.060.413.121	29.060.413.121	29.024.959.228	29.024.959.228

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 5, FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam TL, HN
Điện thoại: 0439368368; Fax: 0439368377

Mẫu số B09-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
04. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Phí dịch vụ Internet	0	1.997.000
- Phần mềm máy tính	6.233.000	18.509.000
- Chi phí công cụ dụng cụ	121.340.600	65.174.000
- Chi phí khác	334.267.300	36.059.000
Cộng	461.840.900	121.739.000
05. Tài sản ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	322.198.912	65.015.481
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	332.198.912	75.015.481

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>				
Tại ngày 01/01/2015	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
Tại ngày 31/03/2015	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Tại ngày 01/01/2015	7.876.531.276	1.098.957.300	286.922.412	9.262.410.988
- Khấu hao trong kỳ	16.516.000	-	-	16.516.000
Tại ngày 31/03/2015	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</i>				
Tại ngày 01/01/2015	16.516.000	-	-	16.516.000
Tại ngày 31/03/2015	-	-	-	-

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>			
Tại ngày 01/01/2015	5.568.343.400	1.364.782.548	6.933.125.948
- Mua trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	5.568.343.400	1.364.782.548	6.933.125.948
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày 01/01/2015	2.680.843.400	1.364.782.548	4.045.625.948
- Khấu hao trong kỳ	247.500.000	-	247.500.000
Tại ngày 31/03/2015	2.928.343.400	1.364.782.548	4.293.125.948
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</i>			
Tại ngày 01/01/2015	2.887.500.000	-	2.887.500.000
Tại ngày 31/03/2015	2.640.000.000	-	2.640.000.000

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 5, FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam TL, HN
 Điện thoại: 0439368368; Fax: 0439368377

Mẫu số B09-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
08. Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	24.605.900	26.182.900
- Chi phí khác	6.078.336	7.596.336
Cộng	30.684.236	33.779.236
09. Phải trả người bán		
- Công ty CP công nghệ tin học và dịch vụ Goline	145.000.000	145.000.000
- Công ty Luật TNHH SMIC	268.159.100	191.159.100
- Các đối tượng khác	16.146.100	16.146.100
Cộng	429.305.200	352.305.200
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế thu nhập cá nhân	3.977.149.951	2.442.647.289
Cộng	3.977.149.951	2.442.647.289
11. Chi phí phải trả		
- Chi phí phải trả cho Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn với bà Phạm Thị Thành Thuý (1)	666.500.000	666.500.000
- Chi phí thuê văn phòng	171.900.000	0
- Chi phí tư vấn	172.425.000	172.425.000
- Chi phí khác	0	227.934.630
Cộng	1.010.825.000	1.066.859.630
12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	41.202.475	38.671.998
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.682.328	1.682.328
- Phạm Thị Thanh Thuý (1)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Các khoản khác	74.589.603	71.539.603
Cộng	30.117.474.406	30.111.893.929

(1) Lãi và gốc của Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/ARTEC-PTTT ngày 21/9/2010 và Phụ lục số 01 ngày 21/12/2010. Bên uỷ thác là bà Phạm Thị Thanh Thuý. Hợp đồng đã hết hạn ngày 21/1/2011 và chưa được gia hạn thêm.

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối quý
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743	-	-	539.355.743
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742	-	-	539.355.742
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(30.206.183.544)	3.562.459.236	-	(26.643.724.308)
Tổng cộng	105.872.527.941	3.562.459.236	-	109.434.987.177

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của tổ chức và cá nhân
Cộng

Số cuối quý

Số đầu năm

135.000.000.000
135.000.000.000

135.000.000.000
135.000.000.000

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm
+ Vốn góp tăng trong kỳ
+ Vốn góp giảm trong kỳ
+ Vốn góp cuối quý

Kỳ này

Năm trước

135.000.000.000
0
0
135.000.000.000

135.000.000.000
0
0
135.000.000.000

Cổ tức và lợi nhuận đã chia

13.3 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu được mua lại
- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

Số cuối quý

Số đầu năm

13.500.000
13.500.000
13.500.000

13.500.000
13.500.000

10.000

13.500.000
13.500.000
13.500.000

13.500.000
13.500.000

10.000

11/01/2009

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

14. Doanh thu

	<i>Quý I</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.275.856.637	598.016.642
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	22.700	112.300
- Doanh thu hoạt động tư vấn	0	59.090.900
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	97.860.538	11.219.680
- Doanh thu khác	532.334.124	21.590.275
Cộng	4.906.073.999	690.029.797

15. Chi phí hoạt động kinh doanh

	<i>Quý I</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán	383.201.267	276.138.786
- Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.280.469.730	0
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(3.080.845.130)	(34.681.397)
- Chi phí khác	9.627.120	17.323.821
Cộng	(407.547.013)	258.781.210

16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Quý I</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	745.338.399	590.016.018
- Chi phí khấu hao TSCĐ	264.016.000	35.568.000
- Thuế, phí, lệ phí	68.992.919	13.438.917
- Dự phòng phải thu khó đòi	0	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	662.553.458	1.242.440.333
- Chi phí bằng tiền khác	10.261.000	81.011.460
Cộng	1.751.161.776	1.962.474.728

17. Chi phí thuế TNDN hiện hành

1. Tổng lợi nhuận kết toán trước thuế	3.562.459.236
2. Các khoản thu nhập không được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	0
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế	0
4. Số lỗ kết chuyển	3.562.459.236
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ (4=1-2+3-4)	0
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (5=4x22%)	0

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	235.687.829.253	235.687.829.253
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.834.217.480	4.466.849.167
- Các khoản phải thu khách hàng	141.000.000	-
- Trả trước cho người bán	565.250.296	565.250.296
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	29.688.910.519	804.951.291
- Phải thu khác	64.740.808	64.740.808

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Số dư ngày 31/03/2015

- Phải trả người bán	-
- Người mua trả tiền trước	429.305.200
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	198.700.000
- Chi phí phải trả	102.285.548.981
- Phải trả khác	1.010.825.000

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 5, FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam TL, HN
 Điện thoại: 0439368368; Fax: 0439368377

Mẫu số B09-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	429.305.200		429.305.200
- Người mua trả trước	198.700.000		198.700.000
- Phải trả khác	30.117.474.406		30.117.474.406
- Chi phí phải trả	1.010.825.000		1.010.825.000
- Phải trả hoạt động GD CK	102.285.548.981		102.285.548.981

2. Số liệu so sánh**3. Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.
 Tại thời điểm cuối quý, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

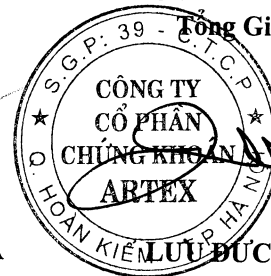

4. Những thông tin khác trong kỳ:

Giải trình biến động lợi nhuận quý 1 năm 2015 so với cùng kỳ năm trước: Trong kỳ, Công ty doanh thu cao từ hoạt động môi giới chứng khoán dẫn đến kết quả kinh doanh lãi so với cùng kỳ năm trước.

Lập, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Người lập

NGUYỄN THÙY DUNG**Phụ trách kế toán**

TRẦN THỊ THU HÀ**Tổng Giám đốc**

LƯU ĐỨC QUANG